TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147/2023/QĐCNHGT-DS	*P, ngày 04 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận hòa giải thành của ông Phạm Minh Vvà ông Lê Văn N, bà Phạm Thị L.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" đề ngày 06 tháng 10 năm 2023 của ông Phạm Minh V.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: số 25/5, ấp TM, xã M A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của ông V: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966. Nơi cư trú: số 88/3, ấp A B, xã AT, huyện T P, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện: Ông Lê Văn N, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1970. Cùng cư trú: Số nhà 153/1 ấp AK, xã M A, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 11 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 11 năm 2023 cụ thể như sau:

Ông Lê Văn Nvà bà Phạm Thị L đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh Vsố tiền 25.407.000 (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn) đồng. Thời gian trả khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Ông V không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Lưu hồ sơ; VP

.

THẨM PHÁN

*(Đã ký và đóng dấu)_*

Hồ Thị Triết